

Số: 1622 /TB - ĐKTLN

Thừa Thiên Huế, ngày 19 tháng 7 năm 2023

## THÔNG BÁO

### **Kết luận số 1604/KL-ĐKTLN ngày 18/7/2023 của Đoàn kiểm tra về kết luận kiểm tra việc thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính tại Ủy ban nhân dân huyện A Lưới**

Ngày 23/6/2023, Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiến hành kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại Ủy ban nhân dân huyện A Lưới.

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trên cơ sở kết quả làm việc, Báo cáo số 153/BC-UBND ngày 17/5/2023, Biên bản kiểm tra và các thông tin, tài liệu có liên quan, Đoàn kiểm tra thông báo công khai kết luận kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại Ủy ban nhân dân huyện A Lưới, cụ thể như sau:

#### **I. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Nhìn chung nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện A Lưới quan tâm, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đạt được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn quản lý.

Tuy nhiên, công tác này vẫn còn những hạn chế, tồn tại, sai sót trong quá trình tổ chức thực hiện và cần phải được chấn chỉnh, xử lý, khắc phục kịp thời, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả đối với công tác này trong thời gian tới.

#### **II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

##### **1. Việc thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

a) Hàng năm trên cơ sở kế hoạch thực hiện công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh; các văn bản về triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân huyện đã kịp thời xây dựng, ban hành kế hoạch, văn bản để triển khai thực hiện.

b) Ủy ban nhân dân huyện đã phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức tập huấn về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 cho gần 120 đại biểu là đại diện lãnh đạo, công chức tham mưu công tác này tại các cơ quan trung ương, tỉnh đóng trên địa bàn huyện, cơ quan chuyên môn thuộc huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã. Đồng thời, giao Phòng Tư pháp phối hợp với các cơ quan, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức, tuyên truyền phổ biến văn bản pháp luật được Trung ương, địa phương ban hành trong đó có lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính, qua đó góp phần nâng cao hiểu biết, tạo sự đồng thuận trong việc nhận thức và thực hiện các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong nhân dân và doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

c) Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành và tiến hành kiểm tra công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính tại một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện. Qua kiểm tra đã chỉ ra một số tồn tại, thiếu sót, đồng thời, hướng dẫn việc áp dụng các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành trên các lĩnh vực để cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, xử lý các vụ việc vi phạm hành chính đảm bảo quy định của pháp luật.

d) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn bố trí cán bộ, công chức, viên chức trong tổng số biên chế được giao để thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của đơn vị mình, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn chuyên sâu về công tác xử lý vi phạm hành chính.

đ) Công tác báo cáo, thống kê số liệu theo định kỳ, đột xuất hàng năm về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện kịp thời, đúng đề cương và đầy đủ các biểu mẫu theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tư pháp.

e) Việc lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đảm bảo khoa học thuận tiện cho công tác quản lý.

## **2. Việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính**

a) Về cơ bản việc lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định pháp luật.

b) Từ ngày 01/01/2022 đến 30/4/2023, người có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện A Lưới đã ban hành 08 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, số tiền phạt thu được là 113.000.000 đồng.

c) Quá trình xử phạt vi phạm hành chính không phát sinh khiếu nại, tố cáo.

## **III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

### **1. Việc thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành mới chỉ được thực hiện lồng ghép thông qua các hội nghị. Số lượng tin, bài liên quan đến công tác này chưa nhiều, nội dung chưa phong phú.

## 2. Việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính

Đoàn kiểm tra đã kiểm tra trực tiếp các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính do người có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện A Lưới ban hành. Kết quả kiểm tra cho thấy, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, sai sót cần chấn chỉnh, xử lý, khắc phục, cụ thể:

### 2.1. Về biên bản vi phạm hành chính

#### a) Về tóm tắt, mô tả hành vi vi phạm hành chính

Theo hướng dẫn tại mục <sup>(8)</sup> mẫu Biên bản số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, nội dung “Đã có các hành vi vi phạm hành chính” thì người có thẩm quyền lập biên bản phải “mô tả vụ việc; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm, hành vi vi phạm cụ thể ...”. Tuy nhiên, tại biên bản vi phạm hành chính số: 01/BB-VPHC ngày 10/11/2022 không thực hiện theo hướng dẫn nêu trên (chỉ ghi hành vi vi phạm).

#### b) Về ký biên bản vi phạm hành chính

Điểm a khoản 5 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định:

“a) Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký, trừ trường hợp biên bản được lập theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người phiên dịch, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại, thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều trang, thì phải ký vào từng trang biên bản;”

Tuy nhiên, tại các biên bản vi phạm hành chính số: 01/BB-VPHC ngày 10/11/2022; 234/BB-VPHC ngày 12/4/2023; 260/BB-VPHC ngày 25/4/2023 không được ký từng trang theo quy định nêu trên.

#### c) Về thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính

Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định:

“a) Biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính;

b) Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc có phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, thì biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính;”

Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3889/QĐ-XPHC ngày 16/11/2022 thể hiện: Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC được lập căn cứ vào biên bản làm việc với Ủy ban nhân dân xã Hồng Hạ ngày 07/9/2022. Tuy nhiên, đến ngày 10/11/2022 người có thẩm quyền mới lập biên bản vi phạm hành chính là không phù hợp với điểm a, điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP viện dẫn nêu trên (quá thời hạn quy định).

Tương tự, xảy ra tại hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định xử phạt số 1219/QĐ-XPHC ngày 18/4/2023 và quyết định xử phạt số 1325/QĐ-XPHC ngày 27/4/2023.

d) Không thống nhất về thời gian lập biên bản vi phạm hành chính

Tại biên bản vi phạm hành chính số 234/BB-VPHC thể hiện biên bản được lập vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 12/4/2023 nhưng thời điểm kết thúc việc lập biên bản là 16 giờ ngày 27/3/2023 và tại biên bản số 260/BB-VPHC ngày 25/4/2023 không ghi thời điểm kết thúc việc lập biên bản.

## 2.2. Về giải trình

a) Không quy định quyền giải trình của tổ chức vi phạm

Khoản 1 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định:

“Đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc quy định mức tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính để ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không yêu cầu giải trình.”

Khoản 1 Điều 81 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ) quy định:

“1. Giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt được quy định bị tước quyền sử dụng có thời hạn gồm:

a) Giấy phép lái xe quốc gia; Giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước về Giao thông đường bộ năm 1968 cấp (trừ Giấy phép lái xe quốc tế do Việt Nam cấp);

...

d) Phù hiệu, biển hiệu cấp cho xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải;

đ) Giấy chứng nhận và tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện;

...”

Tại hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định xử phạt số 2836/QĐ-XPHC ngày 17/8/2022 thể hiện tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại điểm c, điểm d khoản 9 Điều 30 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ). Theo đó, với hành vi này ngoài bị phạt tiền, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung là: Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và Tem kiểm định của phương tiện từ 01 tháng đến 03 tháng; và tước quyền sử dụng phù hiệu (biển hiệu) từ 01 tháng đến 03 tháng (nếu có).”;

Tuy nhiên, tại biên bản vi phạm hành chính số 0000038/BB-VPHC ngày 13/8/2022 không thể hiện tổ chức được quyền giải trình là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

b) Về người có thẩm quyền tiếp nhận văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp/văn bản giải trình

Tại hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định số 4050/QĐ-XPHC ngày 05/12/2022 thể hiện tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 8, điểm c khoản 9 Điều 30 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ) thuộc thẩm quyền xử phạt của *Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A Lưới*. Tuy nhiên, tại biên bản vi phạm hành chính số 0000338/BB-VPHC ngày 21/12/2022 lại thể hiện tổ chức vi phạm giải trình đến *Trưởng Công an huyện A Lưới* để thực hiện quyền giải trình (Trưởng Công an huyện **không phải** là người có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm trong vụ việc này).

Như vậy, là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính như đã viện dẫn nêu trên.

Tương tự, xảy ra tại hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định xử phạt số 1217/QĐ-XPHC ngày 17/4/2023.

b) Hình thức giải trình chưa đầy đủ theo quy định

Theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Tuy nhiên, hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định xử phạt số 1219/QĐ-XPHC ngày 18/4/2023, tại Biên bản vi phạm hành chính số 234/BB-VPHC thể hiện “Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này, ông (bà) ... có quyền gửi văn bản yêu cầu yêu cầu được giải trình trực tiếp đến ... để thực hiện quyền giải trình”.

Như vậy, việc người có thẩm quyền chỉ cho cá nhân vi phạm thực hiện quyền “giải trình trực tiếp” mà không thể hiện cho cá nhân vi phạm “giải trình bằng văn bản” là không phù hợp với quy định nêu trên.

Và theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì: “Đối với trường hợp giải trình trực tiếp, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.”

Do đó, việc người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính quy định thời hạn (05 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản) để cá nhân vi phạm gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là không phù hợp với thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính (theo quy định là 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính).

Tương tự, xảy ra tại hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định xử phạt số 3889/QĐ-XPHC ngày 16/11/2022 và quyết định xử phạt số 1325/QĐ-XPHC ngày 27/4/2023.

### 2.3. Về thời hạn chuyển biên bản vi phạm hành chính và các tài liệu khác cho người có thẩm quyền xử phạt

Điểm a khoản 6 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định:

“a) Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản, trừ trường hợp không xác định được cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính. Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản;”

Tại hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định xử phạt số 1005/QĐ-XPHC ngày 27/3/2023 thể hiện: biên bản vi phạm hành chính số 0000956/BB-VPHC được lập vào lúc 18 giờ 5 phút ngày 15/3/2023. Theo đó, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm d khoản 9 Điều 30 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ), với hành vi này vụ việc thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A Lưới. Tuy nhiên, đến ngày 20/3/2023 người có thẩm quyền của Công an huyện A Lưới mới chuyển hồ sơ vụ việc (theo Tờ trình số 659/TTr-CAH (GT) đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A Lưới để xem xét, ra quyết định xử phạt là không phù hợp với quy định tại điểm a khoản 6 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP viện dẫn nêu trên (quá thời hạn quy định).

Tương tự, xảy ra tại hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định xử phạt số 2836/QĐ-XPHC ngày 17/8/2022; quyết định xử phạt số 981/QĐ-XPHC ngày 22/3/2023 và quyết định xử phạt số 1217/QĐ-XPHC ngày 17/4/2023.

### 2.4. Về quyết định xử phạt vi phạm hành chính

a) Ký hiệu quyết định không phù hợp: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1217/QĐ-UBND ngày 17/4/2023, trong khi đó Nghị định 118/2021/NĐ-CP hướng dẫn là: “Số .../QĐ-XPHC”.

b) Hành vi vi phạm không thống nhất giữa quyết định xử phạt với biên bản vi phạm hành chính

Tại khoản 2 Điều 1 quyết định xử phạt số 1217/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 thể hiện tổ chức có hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 5 Điều 24 Nghị định 100/2019/NĐ-CP. Tuy nhiên, tại biên bản vi phạm hành chính số 0000286/BB-VPHC ngày 05/4/2023 thể hiện tổ chức có hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 4 Điều 24 Nghị định 100/2019/NĐ-CP.

### 2.5. Về áp dụng mức tiền phạt và tình tiết giảm nhẹ

Điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định:

“b) Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung phạt tiền được quy định đối với hành vi đó. Trong trường hợp có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên, thì áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có từ 02 tình tiết tăng nặng trở lên, thì áp dụng mức tối đa của khung tiền phạt.”

Tại hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định xử phạt số 1325/QĐ-XPHC ngày 27/4/2023 thể hiện cá nhân có hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Theo đó, với hành vi này cá nhân vi phạm sẽ bị xử phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP quy định:

“Việc xác định mức phạt cụ thể đối với từng trường hợp căn cứ vào khung xử phạt quy định tại Nghị định này và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.”

Tại khoản 5 Điều 1 quyết định xử phạt chỉ thể hiện tình tiết giảm nhẹ là: “**Có**”. Đồng thời, theo hồ sơ vụ việc thì tại ý kiến của cá nhân vi phạm (mục 5 biên bản vi phạm hành chính số 260/BB-VPHC) có nội dung: “... do chưa hiểu biết về pháp luật nên dẫn đến vi phạm trên, xin cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét mức phạt thấp nhất”.

Như vậy, việc người có thẩm quyền quy định tình tiết giảm nhẹ: “**Có**” mà không ghi rõ nội dung của tình tiết theo quy định là không phù hợp với Điều 9 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Đồng thời, tình tiết “do chưa hiểu biết về pháp luật” cũng không phải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định. Do đó, tại điểm a khoản 6 Điều 1 thể hiện mức tiền phạt là 3.000.000 đồng (mức tối thiểu của khung tiền phạt) là không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP như đã viện dẫn nêu trên.

Tương tự, xảy ra tại hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định xử phạt số 1219/QĐ-XPHC ngày 18/4/2023.

## **2.6. Về áp dụng hình thức xử phạt bổ sung**

Tại hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định xử phạt số 1005/QĐ-XPHC ngày 27/3/2023 thể hiện: tổ chức có hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm d khoản 9 Điều 30 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ). Theo đó, với hành vi này theo quy định tại điểm i, điểm l khoản 15 Điều 30 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ) thì ngoài hình thức xử phạt tiền, tổ chức còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung là:

- “Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và Tem kiểm định của phương tiện từ 01 tháng đến 03 tháng;

- Tước quyền sử dụng phù hiệu (biển hiệu) từ 01 tháng đến 03 tháng (nếu có).”;

Và theo hướng dẫn tại mục <sup>(12)</sup> Nghị định số 118/2021/NĐ-CP thì “trường hợp không thể áp dụng hình thức xử phạt bổ sung thì phải ghi rõ căn cứ, lý do không áp dụng”.

Tuy nhiên, tại điểm b khoản 6 Điều 1 quyết định xử phạt số 1005/QĐ-XPHC chỉ thể hiện hình thức xử phạt bổ sung là: “Tước quyền sử dụng phù hiệu số 4820032396 theo quy định tại điểm 1 khoản 14 Điều 30 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP,...”, mà **không áp dụng** hình thức: Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và Tem kiểm định của phương tiện, và tại quyết định cũng không ghi rõ căn cứ, lý do không áp dụng. Như vậy, việc áp dụng hình thức xử phạt bổ sung không đầy đủ là không phù hợp với khoản 15 Điều 30 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ) là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Tương tự, xảy ra tại hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định xử phạt số 1217/QĐ-XPHC ngày 17/4/2023.

## 2.7. Về lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính

Khoản 2 Điều 57 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định:

“Việc xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản phải được người có thẩm quyền xử phạt lập thành hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. Hồ sơ bao gồm biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt hành chính, các tài liệu, giấy tờ có liên quan và phải được đánh bút lục”.

Tuy nhiên, các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính được kiểm tra không được đánh bút lục theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính như đã viện dẫn nêu trên.

## IV. KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

Từ những kết luận nêu trên, để chấn chỉnh, khắc phục và xử lý đối với những tồn tại, hạn chế, sai sót trong việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính góp phần triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Trưởng đoàn kiểm tra kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A Lưới thực hiện một số nhiệm vụ và xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế, sai sót như sau:

1. Tổ chức quán triệt cán bộ, công chức, viên chức, người thi hành công vụ về vai trò, tầm quan trọng của công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, nhất là các chức danh có thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm vi phạm hành chính trên địa bàn quản lý.

2. Quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh; các văn bản về triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 118/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Sở Tư pháp về công tác này<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Công văn số 3708/UBND-TĐKT ngày 07/5/2021; Công văn số 12969/UBND-TP ngày 31/12/2021; Công văn số 9259/UBND-TP ngày 31/8/2022; Công văn số 2481/STP-BTTP ngày 20/12/2021, Công văn số 1192/STP-BTTP ngày 07/7/2022, ...



3. Căn cứ kế hoạch thực hiện công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh, kịp thời xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện tại địa phương đảm bảo thời gian, nội dung. Đồng thời, chú trọng công tác đôn đốc, theo dõi, chỉ đạo và có biện pháp xử lý đối với các phòng, đơn vị, địa phương thuộc quyền quản lý không ban hành hoặc ban hành chậm văn bản để triển khai thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện.

4. Tăng cường công tác phòng ngừa, kiểm tra, thanh tra và kịp thời xử lý nghiêm minh, triệt để các hành vi vi phạm hành chính trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật.

5. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính bằng các phương thức, hình thức phù hợp, hiệu quả nhằm nâng cao nhận thức pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

6. Phát huy vai trò của Phòng Tư pháp trong việc tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện về theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và có giải pháp nâng cao năng lực của đội ngũ những người làm công tác tham mưu cho người có thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân huyện thực hiện công tác xử phạt vi phạm hành chính.

7. Quan tâm kiện toàn tổ chức, bảo đảm các điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tham gia bồi dưỡng tập huấn chuyên sâu nhằm nâng cao nghiệp vụ công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

8. Chỉ đạo các đơn vị, cá nhân có liên quan nghiêm túc rút kinh nghiệm, khắc phục những tồn tại, hạn chế, sai sót mà Đoàn kiểm tra đã nêu tại Kết luận này. Không để tiếp tục xảy ra sai phạm tương tự và các sai phạm khác trong việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương.

9. Trên cơ sở các sai sót, hạn chế nêu tại Kết luận này, căn cứ quy định tại Chương IV Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định có liên quan để xem xét xử lý trách nhiệm các đơn vị, cá nhân có liên quan (nếu có) theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc Sở Tư pháp;
- Các thành viên Đoàn kiểm tra (để biết);
- Trang TTĐT Sở Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, BTTP, Hsơ ĐKT.

**TM. ĐOÀN KIỂM TRA  
TRƯỞNG ĐOÀN**

**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP  
Nguyễn Thanh Sơn**